

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CTDAN-TTHT

Đà Nẵng, ngày tháng năm

V/v miễn tiền thuê đất đối với đơn vị sự
nghiệp công

Kính gửi: Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng

MST: 0400522258

Địa chỉ: 99 Hùng Vương, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Cục Thuế TP. Đà Nẵng đã nhận được công văn số 2727/TCT-CS ngày 03/07/2023 của Tổng cục Thuế trả lời Cục Thuế về việc miễn tiền thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công. Căn cứ hướng dẫn của Tổng cục Thuế, Cục Thuế có ý kiến về nội dung vướng mắc của Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược (sau đây gọi là Trường) tại văn bản hỏi số 218/ĐHKTYĐĐN ngày 29/03/2023 như sau:

Căn cứ các quy định:

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13:
 - + Khoản 26 Điều 3 quy định tổ chức sự nghiệp công lập;
 - + Điểm d khoản 2 Điều 10 quy định về phân loại đất;
 - + Điểm e khoản 1 Điều 56 quy định về các trường hợp cho thuê đất;
 - + Khoản 3 Điều 108 quy định về thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
 - + Khoản 2 Điều 147 quy định về đất xây dựng công trình sự nghiệp;
- Khoản 1 Điều 2, Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:
 - + Điểm i khoản 1 Điều 2 quy định về đối tượng thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
 - + Khoản 1 Điều 18 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/09/2016 của Chính phủ) và khoản 6 Điều 18 quy định về nguyên tắc thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước;
 - + Điểm đ khoản 1 Điều 19 quy định về các trường hợp miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước;
 - + Điều 21 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 và điểm e khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ) quy định về trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Khoản 5 Điều 12 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 333/2016/TT-

BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính) hướng dẫn về áp dụng miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Khoản 4 và khoản 9 Điều 59 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Công văn số 2727/TCST-CS ngày 03/7/2023 của Tổng cục Thuế hướng dẫn về việc miễn tiền thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công.

Theo đó, Trường là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thì thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm hoặc thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 56 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và thuộc đối tượng nộp tiền thuê đất theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 2 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP. Thời điểm tính thu tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai số 45/2013/QH13.

Đất xây dựng công trình sự nghiệp của các tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên) thuộc đối tượng được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hằng năm hoặc một lần thì được xem xét miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với đất xây dựng công trình sự nghiệp cho toàn bộ thời gian thuê đất theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP. Cụ thể:

- Về điều kiện miễn tiền thuê đất theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP, người thuê đất phải đáp ứng đủ các điều kiện:

- + Đơn vị sự nghiệp công lập phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập theo quy định của Pháp luật;

- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp theo phân loại đất tại khoản 2 Điều 10 và quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 147 Luật đất đai 2013.

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định loại đất, mục đích sử dụng đất làm căn cứ cho Cơ quan Thuế xác định đơn giá thuê đất, miễn tiền sử dụng đất.

- Về nguyên tắc miễn tiền thuê đất: Người thuê đất chỉ được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP và hướng dẫn tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 77/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 333/2016/TT-BTC). Đối với khoảng thời gian chậm làm thủ tục miễn tiền thuê đất thì không được miễn tiền thuê đất.

- Về địa điểm nộp hồ sơ: Người thuê đất nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất tại cơ quan thuế quản lý thu trực tiếp hoặc tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại các văn bản nêu trên.

- Về hồ sơ miễn tiền thuê đất: Người thuê đất thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 4 và khoản 9 Điều 59 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Trường đáp ứng đủ các điều kiện và hồ sơ theo quy định nêu trên thì Cơ quan thuế xem xét giải quyết miễn tiền thuê đất.

Cục Thuế TP. Đà Nẵng trả lời Trường được biết và thực hiện. Trường hợp cần trao đổi thêm, đề nghị liên hệ trực tiếp với Cục Thuế (Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ Người nộp thuế) địa chỉ: Số 190 Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để được hướng dẫn hoặc tham khảo thêm các thông tin về chính sách thuế tại Trang Thông tin điện tử của Cục Thuế TP. Đà Nẵng tại địa chỉ: <https://danang.gdt.gov.vn>.

Trường vui lòng truy cập vào Cổng dịch vụ công thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn> để khảo sát mức độ hài lòng đối với chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của Cục Thuế TP Đà Nẵng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục (để b/c);
- Phòng QLHCNKD&TK;
- Phòng NVDTPC;
- Lưu: VT, TTHT (02 bản).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Trương Công Khoái